

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG NAI ĐỀ THI CHÍNH THỨC (Đề thi có 04 trang)	KỲ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG CÁC MÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026- LẦN 1 Môn thi: Địa lí Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề
--	---

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 0901

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Thế mạnh đối với phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản ở Nam Trung Bộ chủ yếu là

- A. vùng biển rộng, nguồn lợi hải sản phong phú.
- B. có tiềm năng về dầu khí, bô-xít trữ lượng lớn.
- C. gần tuyến đường biển quốc tế, giàu than bùn.
- D. có nhiều vũng, vịnh nước sâu, bãi biển đẹp.

Câu 2: Cảng hàng không nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Cát Bi.
- B. Long Thành.
- C. Phú Bài.
- D. Cam Ranh.

Câu 3: Lao động nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hầu hết hoạt động ở ngành du lịch.
- B. Chất lượng lao động ngày càng tăng.
- C. Phân bố tập trung ở khu vực đồi núi.
- D. Phần lớn có trình độ chuyên môn cao.

Câu 4: Ngành dịch vụ nước ta hiện nay

- A. xuất hiện nhiều loại hình mới.
- B. chỉ phục vụ nhu cầu sản xuất.
- C. phát triển mạnh ở miền núi.
- D. có tốc độ tăng trưởng chậm.

Câu 5: Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản lượng điện ở nước ta hiện nay là

- A. điện gió.
- B. nhiệt điện.
- C. điện mặt trời.
- D. thủy điện.

Câu 6: Đất feralit chiếm diện tích lớn ở nước ta chủ yếu do

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp, nhiệt ẩm cao, nhiều đá mẹ axit.
- B. thời gian hình thành lâu dài, xác sinh vật nhiều, phong hóa mạnh.
- C. các hoạt động sản xuất, mưa nhiều, nhiệt độ thay đổi theo độ cao.
- D. khí hậu phân mùa rõ rệt, các hệ sinh thái đa dạng, đá mẹ badan.

Câu 7: Công nghiệp dệt, may và giày, dép nước ta hiện nay

- A. chưa thu hút được vốn đầu tư nước ngoài.
- B. chủ yếu sử dụng lao động có trình độ cao.
- C. đã tạo dựng được các thương hiệu uy tín.
- D. phần lớn sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ.

Câu 8: Ngành nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay

- A. phân bố ở các ngư trường.
- B. chưa hướng ra xuất khẩu.
- C. sản lượng ngày càng giảm.
- D. có giá trị sản xuất tăng.

Câu 9: Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

- A. Gió mùa Tây Nam.
- B. Tín phong bán cầu Bắc.
- C. Gió phơn Tây Nam.
- D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 10: Đặc điểm nào sau đây đúng với dân số nước ta hiện nay?

- A. Mật độ dân số thấp, mất cân bằng giới tính.
- B. Tỉ lệ gia tăng dân số rất cao, cơ cấu dân số trẻ.
- C. Quy mô dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
- D. Dân cư phân bố đồng đều, cơ cấu dân số vàng.

Câu 11: Các đảo ven bờ nước ta

- A. phát triển mạnh công nghiệp. B. thuận lợi trồng cây lúa gạo.
C. điều tập trung khai thác dầu mỏ. D. có khả năng phát triển du lịch.

Câu 12: Hiện nay ô nhiễm không khí nước ta xảy ra chủ yếu ở

- A. miền núi cao. B. quần đảo. C. nông thôn. D. đô thị lớn.

Câu 13: Tác động lớn nhất của đô thị hóa tới nền kinh tế nước ta là

- A. thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
B. tạo thêm nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập.
C. liên kết với nông thôn để đảm bảo an ninh quốc phòng.
D. lan tỏa rộng rãi lối sống thành thị tới vùng nông thôn.

Câu 14: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay dẫn đầu cả nước về số lượng vật nuôi nào sau đây?

- A. Trâu. B. Bò. C. Gia cầm. D. Cừu.

Câu 15: Các ngành công nghiệp mới có hàm lượng khoa học – công nghệ ngày càng chiếm tỉ trọng cao ở vùng Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

- A. truyền thống sản xuất lâu đời, tài nguyên phong phú, vị trí thuận lợi.
B. lao động dồi dào, cơ sở hạ tầng hoàn thiện, dịch vụ hỗ trợ đa dạng.
C. thu hút đầu tư mạnh, hạ tầng hiện đại, nguồn lao động trình độ cao.
D. mạng lưới đô thị dày đặc, vốn đầu tư lớn, thị trường tiêu thụ rộng.

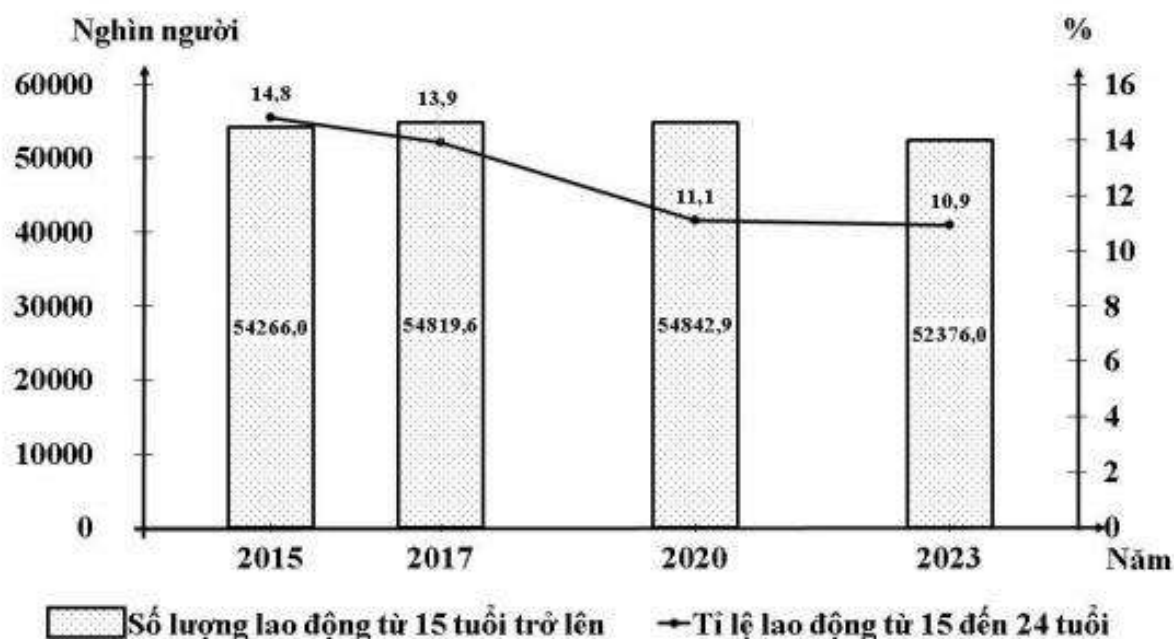
Câu 16: Điểm cực Bắc trên đất liền của nước ta hiện nay thuộc tỉnh

- A. Tuyên Quang. B. Lai Châu. C. Lạng Sơn. D. Sơn La.

Câu 17: Vùng Đông Nam Bộ tiếp giáp với

- A. Trung Quốc. B. Bắc Trung Bộ. C. Lào. D. Nam Trung Bộ.

Câu 18: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ số lượng lao động từ 15 tuổi trở lên và tỉ lệ lao động từ 15 đến 24 tuổi ở nước ta giai đoạn 2015 - 2023

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Số lượng lao động từ 15 tuổi trở lên thấp nhất vào năm 2017.
B. Năm 2023 so với năm 2015, tỉ lệ lao động từ 15 đến 24 tuổi tăng 3,9%.
C. Năm 2023 so với năm 2015, số lao động từ 15 tuổi trở lên giảm 1890 nghìn người.
D. Giai đoạn 2015 - 2023, số lượng lao động từ 15 tuổi trở lên giảm liên tục.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

Hiện nay, cây ăn quả ở nước ta có diện tích tăng nhanh, chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao. Nhiều loại cây ăn quả được trồng tập trung như: cam, chuối, xoài, sầu riêng, vải thiều, mận,... Trái cây là một trong những mặt hàng xuất khẩu mang lại nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

- a) Mở rộng diện tích hợp lí là giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng và tăng giá trị sản phẩm cây ăn quả nước ta.
- b) Việc phát triển cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với nông nghiệp xanh và nông nghiệp hữu cơ ở nước ta góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững.
- c) Sản phẩm cây ăn quả chiếm tỉ trọng cao nhất trong trị giá xuất khẩu ở nước ta hiện nay.
- d) Cây ăn quả nước ta đa dạng.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Vùng Bắc Trung Bộ gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và thành phố Huế. Lãnh thổ kéo dài từ bắc vào nam, hẹp ngang và phân hóa thành nhiều dạng địa hình, từ tây sang đông là đồi, núi – dải đồng bằng ven biển – vùng biển đảo và thềm lục địa.

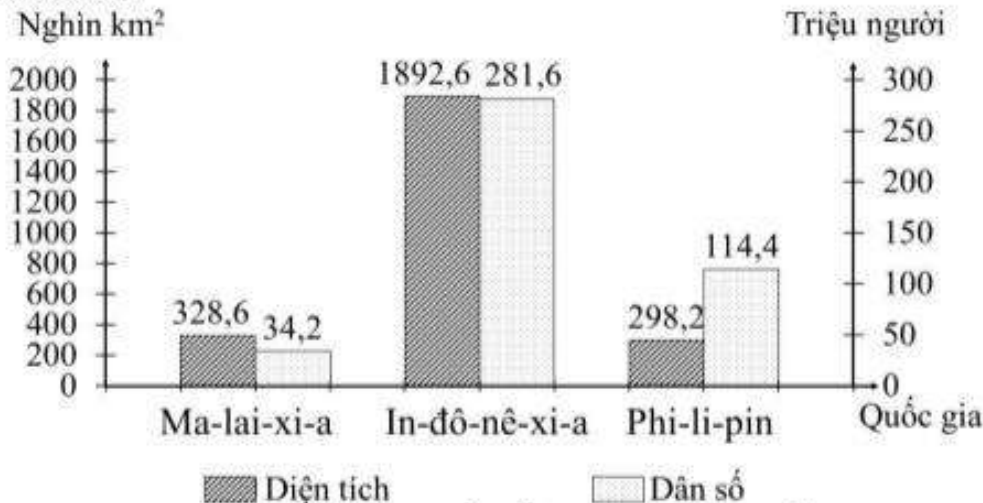
- a) Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển rừng phòng hộ ở vùng Bắc Trung Bộ là tạo ra nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp, nâng cao thu nhập và hạn chế lũ quét.
- b) Thuận lợi chủ yếu về tự nhiên để phát triển ngành thủy sản khai thác ở vùng Bắc Trung Bộ là có nhiều ngư trường trọng điểm và ít thiên tai.
- c) Các tỉnh, thành phố của vùng Bắc Trung Bộ đều giáp biển.
- d) Khu vực đồi núi phía tây có khí hậu phân hóa, đất feralit, nhiều đồng cỏ tạo thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra) mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ các vùng núi cao), trong năm có 2–3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 18°C . So với phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào), phần lãnh thổ phía Bắc có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.

- a) Nhiệt độ trung bình năm ở phần lãnh thổ phía Bắc thấp hơn so với phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do gió mùa Đông Bắc thổi từng đợt và phần lớn diện tích là núi cao.
- b) Tất cả các tháng ở phần lãnh thổ phía Bắc đều có nhiệt độ trung bình tháng trên 20°C .
- c) Khu vực đồng bằng thuộc phần lãnh thổ phía Bắc có thể trồng một số cây nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.
- d) Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở phần lãnh thổ phía Bắc nhỏ hơn so với phần lãnh thổ phía Nam.

Câu 4: Cho biểu đồ sau:



Diện tích và dân số của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2024

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

- a) In-đô-nê-xi-a có diện tích lớn hơn Ma-lai-xi-a.
- b) Mật độ dân số của Phi-li-pin thấp hơn In-đô-nê-xi-a.
- c) Dân số của In-đô-nê-xi-a cao gấp 8,2 lần Phi-li-pin.
- d) Mật độ dân số của Ma-lai-xi-a thấp nhất.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Năm 2024, tổng lượng mưa tại trạm quan trắc Huế là 3686,9 mm, Cà Mau là 2398,9 mm. Hãy cho biết tổng lượng mưa năm 2024 tại trạm quan trắc Huế cao hơn Cà Mau bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Cho bảng số liệu sau:

Tổng sản phẩm trong nước phân theo loại hình kinh tế của nước ta năm 2020 và 2023
(Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

Loại hình kinh tế	2020	2023
Kinh tế Nhà nước	1662,4	2170,2
Kinh tế ngoài Nhà nước	4067,5	5203,0
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1609,1	2094,4
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	705,5	852,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng sản phẩm trong nước của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng bao nhiêu lần (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng trong năm 2024 tại trạm quan trắc Long Khánh

(Đơn vị: giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	245,8	260,7	278,8	287,6	211,4	194,1	139,5	252,0	144,7	178,6	207,3	114,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng số giờ nắng các tháng trong năm 2024 tại trạm quan trắc Long Khánh là bao nhiêu giờ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4: Năm 2023, tổng sản lượng thủy sản nước ta là 9358,7 nghìn tấn. Trong đó, sản lượng thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 5110,8 nghìn tấn. Hãy cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong tổng sản lượng thủy sản nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2023, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 681,3 tỷ USD. Trong đó, tỉ trọng trị giá xuất khẩu hàng hoá là 52,1%. Hãy cho biết trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta năm 2023 là bao nhiêu tỷ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Dân số và sản lượng điện của nước ta năm 2020 và 2023

Năm	Dân số (triệu người)	Sản lượng điện (triệu kWh)
2020	97,6	235410,4
2023	100,3	267582,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu kWh/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----- HẾT -----

Đã vào	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	1a	1b	1c	1d	2a	2b	2c	2d	3a	3b	3c	3d	4a	4b	4c	4d	5a	1	2	3	4	5	6		
0901	B	A	B	A	B	A	C	D	B	C	D	D	A	A	C	A	D	C		S	D	S	D	S	S	D	D	S	S	D	S	D	S	S	D		1288	1,28	2515	54,6	355	256		
0902	D	D	D	A	A	A	B	B	B	A	A	A	B	B	B	C	A	B		S	D	D	S	D	S	S	D	S	S	D	S	S	S	D	D		296	1288	355	1,28	2515	54,6		
0903	C	A	C	D	B	A	A	C	D	C	C	B	A	A	A	B	D	D		S	D	D	S	S	D	D	S	S	D	D	S	D	S	S	S		355	2515	1288	54,6	1,28	256		
0904	B	B	B	B	D	C	C	D	A	D	D	B	D	D	A	B	C	A		D	D	S	S	S	D	S	D	D	S	S	D	S	S	S	D		2515	1288	256	54,6	1,28	355		
0905	B	D	D	B	B	D	B	C	B	A	D	D	A	B	C	B	B	A		D	S	S	D	S	D	S	D	S	S	D	D	S	D	S	S		355	256	2515	54,6	1288	1,28		
0906	B	A	A	C	C	B	D	B	A	D	A	B	A	C	A	D	B	A		S	D	S	S	D	S	S	D	D	S	D	S	S	S	D	D		355	1,28	54,6	2515	256	1288		
0907	A	D	D	D	C	C	A	C	D	A	A	D	A	B	B	B	B	B		D	S	S	D	S	S	S	D	S	D	S	D	S	S	S	D		355	1,28	256	54,6	2515	1288		
0908	D	B	C	A	C	D	B	D	D	C	C	C	C	D	C	B	A	B		D	S	D	S	D	S	S	S	D	S	D	S	D	S	S	S	D		2515	1288	355	54,6	256	1,28	
0909	A	B	A	C	C	A	B	A	A	C	B	B	D	D	B	A	D	A		D	S	D	S	S	S	D	S	S	S	D	D	D	S	S	S	D		355	54,6	2515	1,28	256	1288	
0910	A	D	D	B	C	D	A	B	D	B	C	A	C	A	C	A	C	D		D	S	S	S	D	S	S	D	D	D	S	S	S	S	D	D		1288	2515	54,6	355	256	1,28		
0911	C	A	B	A	A	C	A	D	C	B	A	C	B	A	A	A	A	A		D	S	D	S	S	D	D	S	S	D	S	S	S	S	S	D		54,6	256	355	2515	1,28	1288		
0912	C	B	B	D	B	B	A	D	C	A	C	D	B	D	C	D	D	B	A		D	D	S	S	D	S	D	S	S	D	D	S	S	S	S	S		54,6	1,28	355	256	1288	2515	
0913	A	D	B	D	A	B	A	B	C	A	B	A	D	B	A	C	D	D		D	S	D	S	S	S	D	S	S	D	S	D	D	S	D	S		1288	54,6	2515	256	355	1,28		
0914	D	D	A	B	C	A	B	A	D	A	D	B	B	B	B	C	C	B		S	D	D	S	S	S	D	D	D	S	D	S	S	S	S	S	D		256	2515	1,28	355	1288	54,6	
0915	D	D	B	B	D	C	B	A	A	B	A	C	D	B	B	C	D	D		S	D	D	S	D	D	S	S	S	D	S	S	S	S	S	D	D		54,6	355	1,28	2515	256	1288	
0916	A	C	A	C	C	D	A	A	B	B	B	A	A	B	A	A	B	A	C		D	S	S	D	D	S	S	D	D	D	S	S	S	S	S	S		54,6	1288	1,28	2515	256	355	
0917	B	A	D	B	A	B	C	D	C	D	B	D	D	B	C	A	A	A		D	S	S	S	S	D	S	D	D	D	S	S	D	S	D	S		54,6	256	1288	1,28	2515	355		
0918	C	D	B	C	C	B	B	B	A	A	D	D	B	D	A	C	D	A		S	D	S	S	S	D	S	D	S	S	D	D	D	D	S	S		256	2515	1288	1,28	355	54,6		
0919	D	A	C	D	D	D	B	D	C	A	B	B	B	B	A	C	C	D		S	S	D	D	D	S	S	S	S	D	S	D	S	D	S	S	D		1288	54,6	2515	1,28	256	355	
0920	C	B	D	B	C	D	D	D	B	C	B	D	A	C	C	B	D	D		S	S	D	D	S	S	S	D	S	D	D	S	D	S	S	S	D		256	1288	1,28	355	2515	54,6	
0921	A	B	B	B	A	B	A	C	A	D	A	B	D	B	A	B	D	B		S	S	D	D	S	D	S	D	S	D	D	S	S	S	S	S	D		355	1,28	2515	54,6	256	1288	
0922	D	A	B	C	A	C	D	D	D	B	A	D	B	C	B	C	C	C		S	S	D	D	D	S	S	D	S	D	S	D	S	D	S	S	S		256	2515	1288	355	54,6	1,28	
0923	B	C	C	A	C	C	D	C	D	A	A	C	B	C	B	A	C	D		D	S	S	D	S	D	D	S	S	D	D	S	S	D	S	S		2515	54,6	1288	256	1,28	355		
0924	B	C	B	A	C	A	C	D	D	C	A	C	A	C	A	C	B	A	B		S	S	D	S	D	S	S	D	D	S	D	S	D	S	S	S		1,28	2515	54,6	355	1288	256	
0925	C	B	B	D	B	B	A	D	A	D	C	B	D	C	D	D	B	A		D	D	S	S	D	S	D	S	S	D	D	S	D	S	S	S	S		54,6	1,28	355	256	1288	2515	
0926	A	D	B	D	A	B	A	B	C	A	B	A	D	B	A	C	D	D		S	S	D	S	D	S	D	S	S	D	S	D	D	S	D	S	S		1288	54,6	2515	256	355	1,28	
0927	D	D	A	B	C	A	B	A	D	A	D	B	B	B	B	C	C	B		S	D	D	S	S	S	D	D	D	S	D	S	S	S	S	S	D		256	2515	1,28	355	1288	54,6	
0928	D	D	B	B	D	C	B	A	A	B	A	C	D	B	C	D	D	D		S	D	D	S	D	S	S	S	S	D	S	S	S	S	S	D	D		54,6	355	1,28	2515	256	1288	
0929	A	C	A	C	C	D	A	A	B	B	B	A	A	B	D	A	A	C		D	S	S	D	D	S	S	D	D	D	S	S	S	S	S	S	S		54,6	1288	1,28	2515	256	355	
0930	B	A	D	B	A	B	C	D	C	D	B	D	D	B	C	A	A	A		D	S	S	S	S	D	S	D	D	D	S	S	D	S	D	S		54,6	256	1288	1,28	2515	355		
0931	C	D	B	C	C	B	B	B	A	A	D	D	B	D	A	C	D	A		S	D	S	S	S	D	S	D	S	D	D	D	D	D	S	S		256	2515	1288	1,28	355	54,6		
0932	D	A	C	D	D	D	B	D	C	A	B	B	B	B	A	C	C	D		S	S	D	D	S	S	S	S	S	D	S	D	S	D	S	S	D		1288	54,6	2515	1,28	256	355	
0933	C	B	D	B	C	D	D	D	B	C	B	D	A	C	C	B	D	D		S	S	D	D	S	S	S	D	S	D	D	S	D	S	S	S	D		256	1288	1,28	355	2515	54,6	
0934	A	B	B	B	A	B	A	C	A	D	A	B	D	B	A	B	D	B		S	S	D	D	S	D	S	D	S	D	D	S	S	S	S	S	S	D		355	1,28	2515	54,6	256	1288
0935	D	A	B	C	A	C	D	D	D	B	A	D	B	C	B	C	C	C		S	S	D	D	D	S	S	D	S	D	S	D	S	D	S	S	S		256	2515	1288	355	54,6	1,28	
0936	B	C	C	A	C	C	D	C	D	A	A	C	B	C	B	A	C	D		D	S	S	D	S	D	D	S	S	D	D	S	S	D	S	S	S		2515	54,6	1288	256	1,28	355	
0937	B	C	B	A	C	A	A	C	D	D	C	A	C	A	C	B	A	B		S	S	D	S	D	S	S	D	D	S	D	S	D	S	D	S	S		1,28	2515	54,6	355	1288	256	
0938	B	A	B	A	B	A	C	D	B	C	D	D	A	A	C	A	D	C		S	D	S	D	S	S	D	D	D	S	S	D	S	S	S	D	S		1288	1,28	2515	54,6	355	256	
0939	D	D	D	A	A	B	B	B	A	A	A	B	B	B	C	A	B		S	D	D	S	D	S	S	D	S	S	D	S	S	S	S	S	D	D		256	1288	355	1,28	2515	54,6	
0940	C	A	C	D	B	A	A	C	D	C	C	B	A	A	B	D	D		S	D	D	S	S	D	D	S	S	D	S	D	S	D	S	S	S	S		355	2515	1288	54,6	1,28	256	
0941	B	B	B	B	D	C	C	D	A	D	D	B	D	D	A	B	C	A		D	D	S	S	S	D	S	D	D	S	S	D	S	S	S	S	D		2515	1288	256	54,6	1,28	355	
0942	B	D	D	B	B	D	B	C	B	A	D	D	A	B	C	B	B	A		D	S	S	D	S	D	S	D	S	S	D	D	S	D	S	S		355	256	2515	54,6	1288	1,28		
0943	B	A	A	C	C	B	D	B	A	D	A	B	A	C	A	D	B	A		S	D	S	S	D	S	S	D	S	S	D	D	S	D	S	S	S		355	1,28	54,6	2515	256	1288	
0944	A	D	D	C	C	A	C	D	A	A	D	A	A	B	B	B	B	B		D	S	S	D	S	S	S	D	S	D	S	D	S	D	S	S	S	D		355	1,28	256	54,6	2515	1288
0945	D	B	C	A	C	D	B	D	D	C	C	C	C	D	C	B	A	B		D	S	D	S	D	S	S	S	D	S	D	S	D	S	S	S	D		2515	1288	355	54,6	256	1,28	
0946	A	B	A	C	C	A	B	A	A	C	B	B	D	D	B	A	D	A		D	S	D	S	S	S	D	S	S	S	D	D	D	S	S	S	D		355	54,6	2515	1,28	256	1288	
0947	A	D	D	B	C	D	A	B	D	B	C	A	C	A	C	A	C	D		D	S	S	S	D	S	S	D	D	D	S	S	S	S	S	D	D		1288	2515	54,6	355	256	1,28	
0948	C	A	B	A	A	C	A	D	C	B	A	C	B	A	A	A	A	A		D	S	D	S	S	D	D	S	D	S	S	D	S	S	S	S	S		54,6	256	355	2515	1,28	1288	